

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v ly hôn giữa ông B và bà L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng.

Ông Lê Đức Quynh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Văn B, sinh năm 1976.

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị L, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: thôn R, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, ông B và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông B và bà Trần Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn R, xã M. Đời sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đã sống ly thân nhiều năm nay, cả hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông thấy vợ chồng không thể chung sống nên yêu cầu Tòa án

giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về nuôi con: Giữa hai người có một con chung tên là Trần Thị T, sinh năm 1998, đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và các vấn đề khác: Ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là bà Trần Thị L, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng bà L không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà L.

[2] Về hôn nhân: Giữa ông B và bà L kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, cả hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Như vậy, ông B và bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ông B ly hôn bà L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa ông B và bà L có một con chung sinh năm 1998, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Ông B có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông B và bà L có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Văn B ly hôn bà Trần Thị L.

2. Về nuôi con, tài sản và các vấn đề khác: không giải quyết.

3. Về án phí: Ông Trần Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông B đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0004007 ngày 10 tháng 5 năm 2022. Ông B đã nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông B và bà L có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện L;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường